SỞ Y TẾ NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐK TỈNH
Chương 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số QĐ-BVĐK ngày / /2026 của Bệnh viện ĐK tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện Quý III/2026	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu - chi sự nghiệp tại đơn vị**				
1	**Số thu sự nghiệp**	**1.041.597**	**319.072**	**30,63**	**117**
	Thu giá viện phí	965.306	275.839	28,58	
	Thu từ BHYT	*719.630*	*223.549*	*31,06*	*120,53*
	Thu trực tiếp từ bệnh nhân	*245.676*	*52.290*	*21,28*	*76,67*
1.2	Thu khác	76.291	43.233	56,67	
	Nhà thuốc	*55.342*	*38.212*		*332,88*
	Thu hoạt động khác	*20.949*	*5.022*		*71,13*
2	**Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị**	**1.041.597**	**250.328**	**24,03**	**242**
2.1	Chi sự nghiệp y tế	835.019	199.194	23,86	119
a	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên. Trong đó:*	*835.019*	*199.194*	*23,86*	
	- Chi cho con người	*244.739*	*61.877*		*132*
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	*496.037*	*98.709*		*544*
	- Chi mua sắm TS, s/c phục vụ chuyên môn	*39.768*	*9.110*		*11*
	- Chi nhà thuốc	*40.454*	*27.077*		*315*
	- Chi khác	*5.316*	*1.189*		*13*
	- Nộp ngân sách, lãi vay ODA	*8.706*	*1.233*		*60*
b	*Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên*				
2.2	Chi quản lý hành chính	206.578	51.134	24,75	123
a	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Trong đó:*	*206.578*	*51.134*	*24,75*	
	- Chi cho con người	*61.185*	*15.469*		*132*
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	*9.942*	*2.278*		*50*
	- Chi mua sắm, s/c phục vụ chuyên môn	*124.009*	*24.677*		*119*
	- Chi nhà thuốc	*10.113*	*6.769*		*315*
	- Chi khác	*1.329*	*297*		*13*
	- Nộp ngân sách		*1.643*		
b	*Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ*				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		**1.607**		
I	**Nguồn ngân sách trong nước**		**1.607**		
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**-**	**1.607**	**-**	**-**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.607		